

Bản án số: 490/2025/DS-PT

Ngày 19/5/2025

V/v “Tranh chấp đòi tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoàng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/DS-PT ngày 14 tháng 02 năm 2025, về việc: “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1300/QĐPT, ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1984, địa chỉ: 3807, Kauwai Drive, San Jose, CA, 95111, USA; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thuý M, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 186/5, Đường số 1, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2024; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 152, Tổ 2, ấp Thạnh H, xã Thạnh Đ, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Minh T là nguyên đơn trong vụ kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông T định cư tại Mỹ, quen biết với bà Nguyễn Thị Ngọc D trên mạng xã hội cuối tháng 10/2022, sau đó có mối quan hệ tình cảm yêu thương nhau, dự định tiến tới hôn nhân. Trong thời gian quen biết, bà D có mượn của ông số tiền 3.494,24 USD (Mỹ), bà D điện thoại hỏi mượn thì ông đã chuyển khoản nhiều lần. Tổng cộng ông đã chuyển khoản cho bà D 38 lần qua Tài khoản số 105003623515 tại Ngân hàng Vietinbank của bà D, có sao kê gửi kèm đơn khởi kiện. Khi mượn có hứa là khi nào ông về sẽ trả. Cuối năm 2023 ông về tìm bà D nhưng không được; ông điện thoại bà D nói đi làm xa sau đó chặn số của ông không liên lạc được. Số tiền trên là anh cho chị D vay, chứ không phải tặng quà, biếu gì cả. Số tiền trên ông cho bà D mượn có ghi chữ “*Em D mượn*”. Nay ông yêu cầu bà D trả cho ông số tiền 3.494,24 USD (Mỹ) tương đương 87.000.000 đồng.

Bị đơn - Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Bà D thừa nhận có quen biết với ông T trên mạng, trong thời gian quen biết ông T có chuyển khoản tiền cho bà nhiều lần qua Tài khoản số 105003623515 tại Ngân hàng Vietinbank là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng (VNĐ), vì khi ông T chuyển tiền USD qua bên Việt Nam, bà rút Ngân hàng quy đổi ra tiền Việt Nam chứ Ngân hàng không cho nhận tiền ngoại tệ. Số tiền trên, khi nói chuyện qua lại với nhau ông T nói “*cho em tiền tiêu xài*” và ông T tự chuyển, bà không viết giấy hay gửi tin nhắn vay mượn tiền của ông T. Chữ “*Em D mượn*” trong bản chứng cứ ông T cung cấp là do ông T tự ghi. Nay bà không đồng ý yêu cầu của khởi kiện của ông T, bà cho rằng số tiền ông T gửi là quà tặng khi quen nhau.

Tại Bản án dân sự số 55/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các Điều 463, 465 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của anh Nguyễn Minh T về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc D trả số tiền vay là 3.494,24 USD (Mỹ) tương đương 87.000.000 đồng tiền Việt Nam.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/12/2024 ông T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông Thiện.

Tại phiên tòa người đại diện cho ông T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Người đại diện cho ông T trình bày: Đây là tiền ông T cho bà D mượn, thể hiện tại các tin nhắn ông T cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm; đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, theo hướng sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D trả lại 3.494,24 USD tương đương 80.000.000 đồng tiền Việt Nam bà D đã nhận tại Ngân hàng.

Bà D trình bày: Ông T chuyển tiền cho tôi không có nội dung mượn; tin nhắn cũng không xác định tôi mượn tiền của ông T. Đây là tiền ông T gửi tặng cho tôi và tôi không chấp nhận kháng cáo của ông T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng theo quy định. Về nội dung kháng cáo của ông T thì thấy: Ông T cung cấp sao kê tiền gửi và ghi nội dung cho em D mượn. Tuy nhiên, số tiền ông T chuyển cho bà D không thể hiện vay mượn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T (Thien M nguyen) đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T:

[2.1]. Ông T cho rằng trong thời gian tìm hiểu, quen biết với bà D trên mạng; ông T đã chuyển tiền cho bà D nhiều lần vào tài khoản số 105003623515 của bà D tại Ngân hàng Vietinbank, với tổng số tiền 3.494,24USD. Nay ông T kiện bà D đòi lại số tiền trên, nên đây là vụ kiện “Tranh chấp đòi tài sản”.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà D thừa nhận từ tháng 10/2022 đến tháng 04/2023, ông T đã chuyển tiền nhiều lần đến tài khoản số 105003623515 của bà D tại Ngân hàng Vietinbank với tổng số tiền là 3.494,24USD nhưng bà D nhận bằng đồng tiền Việt Nam, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Như vậy, có cơ sở bà D đã nhận của ông T 80.000.000 đồng Việt Nam.

[2.3]. Nay ông T yêu cầu bà D trả số tiền 80.000.000 đồng Việt Nam; bà D cho rằng số tiền trên do ông T tặng cho bà D, trong thời gian ông Thiện và bà D tìm hiểu nhau. Song, bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ ông T đã tặng cho bà D số tiền trên; bà D đã nhận của ông T 80.000.000 đồng Việt Nam, ông T đòi bà D số tiền trên là có căn cứ.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người đại diện hợp pháp cho ông T là có căn cứ; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Do đó, chấp nhận đơn kháng cáo của ông T, sửa bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm bà D phải chịu; ông T không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Minh T (Thien M nguyen); sửa Bản án dân sự số 55/2024/DS-ST ngày 18/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T (Thien M nguyen), về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc D trả số tiền 3.494,24 USD tương đương 80.000.000 đồng Việt Nam.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 4.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh T 2.184.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000588 ngày 17/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T không phải chịu nên hoàn trả 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000959 ngày 31/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS, NTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý

